

Bản án số: 04/2025/DS-PT.  
Ngày: 06-01-2025.  
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản  
là quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Dũng**;  
bà **Lê Thị Anh Đào**.

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Trần Thị Mẫn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:* bà **Phạm Thị Ngọc Dung** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2024/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 123/2024/QĐXXPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ C, thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Thành Q là Luật sư của Văn phòng L3 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt.

2. Bị đơn: bà Phạm Thị M (*Phạm Thị T*), sinh năm 1927.

Địa chỉ: Số D S, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng (*nơi đăng ký thường trú: Số G Đ, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng*).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Phạm Thị T1, sinh năm 1960; địa chỉ: Số D S, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1954.

Địa chỉ: thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ B, thôn Y, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ông Nguyễn S, sinh năm 1965.

Địa chỉ: thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ E, thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông Nguyễn Như T4, sinh năm 1983;

- Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Số D S, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng (*cùng đăng ký thường trú tại: Số G Đ, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng*). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bà Phạm Thị M (M), sinh năm 1942.

Địa chỉ: thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Ông, bà nội bà Nguyễn Thị L là ông Nguyễn H1 (*chết năm 2010*) và bà Nguyễn Thị T5 (*chết năm 1954*) có 07 người con, gồm: ông Nguyễn T2 (*chết năm 1968*), ông Nguyễn Q1 (*chết năm 1970*) và các ông, bà: Nguyễn T6, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị X1, Nguyễn G, Nguyễn Thị L1 đều chết lúc nhỏ, không có vợ (*hoặc chồng*), con. Ngoài ra, ông, bà nội bà L không có con nuôi, con riêng nào khác.

Ông Nguyễn T2 (*chết năm 1968*) có vợ là bà Phạm Thị M (*Phạm Thị T, sau đây gọi là Phạm Thị T*) và có 08 người con, gồm: bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn T7 (*chết ngày 19/6/2014, có vợ là bà Phạm Thị T1 và 02 con là Nguyễn Như T4 và Nguyễn Duy H*), bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị T3 và các ông: Nguyễn T8, Nguyễn T9, Nguyễn M1 đều chết lúc nhỏ, không có vợ, con.

Ông Nguyễn Q1 (*chết năm 1970*) có vợ là bà Phạm Thị M (*Mục Lùn*) và có 03 người con, gồm: bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn K (*chết khi còn nhỏ*).

Nguồn gốc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 4, tại thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam là do ông nội bà L là ông Nguyễn Hứa tạo L2 từ trước năm 1975.

Mặc dù, ông nội bà L có 07 người con nhưng chỉ có ông Nguyễn T2 và ông Nguyễn Q1 (*cha bà L*) là còn sống, lập gia đình, sinh con và sinh sống tại khu vườn này.

Sau khi ông Nguyễn T2 có vợ là bà Phạm Thị T thì dọn ra làm nhà ở riêng nhưng vẫn ở cùng trong một khu vườn với ông Nguyễn H1 (*ngôi nhà của vợ chồng ông T hiện nay vẫn còn tồn tại*).

Cha mẹ bà L là ông Nguyễn Q1 và bà Phạm Thị M (*Mục Lùn*) cưới nhau và chung sống cùng với ông Nguyễn Hứa . Đến năm 1970 thì cha bà L chết, mẹ bà L cùng với các con vẫn tiếp tục sống với ông Nguyễn Hứa . Sau năm 1975, ông H1 đã kê khai, đăng ký khu vườn gia đình đang sinh sống theo Chỉ thị 299/TTg tại thửa đất số 312, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.840m<sup>2</sup> tại Xóm L thôn H, xã Đ và sống cùng mẹ con bà Nguyễn Thị L.

Năm 1987, hưởng ứng chủ trương xây dựng trại chăn nuôi của Hợp tác xã N2 (*HTXNN I*) Đ, hộ ông Nguyễn Hứa C1 bà Phạm Thị M, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C (*H2*) đã dọn lên Xóm Rẫy sinh sống để nhường đất lại cho HTX N3 làm trại chăn nuôi và được Nhà nước cấp đất để làm nhà ở tại đây. Khi Nhà nước làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP cho người dân thì mẹ bà L là bà Phạm Thị M là người đại diện hộ gia đình đứng tên kê khai, đăng ký thửa đất được cấp mới thuộc thửa số 239, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.474m<sup>2</sup> tại Xóm R, thôn H, xã Đ và hiện nay bà Phạm Thị M đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Lúc đó, bà Phạm Thị T không di dời theo ông Nguyễn H1 và mẹ con bà Phạm Thị M mà bà T và các con vẫn sinh sống tại khu vườn cũ. Đến khi Nhà nước yêu cầu kê khai, đăng ký theo Nghị định 64/CP thì bà Phạm Thị T đã đứng ra kê khai thửa đất mà ông Nguyễn H1 đã kê khai theo Chỉ thị 299/TTg và đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.688m<sup>2</sup>, tại thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cho hộ bà Phạm Thị T .

Thời điểm bà Phạm Thị M dọn đến nơi ở mới thì trên thửa đất cũ vẫn còn một số cây cối, hiện nay trên thửa đất này còn có 02 cây mít do mẹ bà L trồng và một ngôi nhà cấp 4, 01 giếng nước của bà T. Mặc dù, mẹ bà L dọn đến nơi ở mới nhưng vẫn canh tác và thực hiện nộp thuế cho Nhà nước đối với thửa đất số 140 này.

Từ năm 1975, trong hộ ông Nguyễn Hứa G1 có 04 người là ông Nguyễn H1 (*chủ hộ*), bà Phạm Thị M (*dâu*), Nguyễn Thị H2 (*Chúc, cháu nội*) và Nguyễn Thị L (*Bé*). Ông Hứa C2 sống cùng mẹ bà L đến năm 2009 thì ông Nguyễn T7 đưa ông H1 ra Đà Nẵng sinh sống và chết vào năm 2010. Bà L xác định thửa đất 140, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.688m<sup>2</sup> tại thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam là di sản do ông Nguyễn Hứa Đ lại.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia đôi phần di sản của ông Nguyễn Hứa Đ lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất 140, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.688m<sup>2</sup>, tại thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam thành 02 phần cho ông Nguyễn Q1 và ông Nguyễn T2, mỗi người được một phần diện tích đất là

844m<sup>2</sup>. Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị C là người thừa kế thế vị theo pháp luật của ông Nguyễn Q1 nên bà L và bà C được nhận phần diện tích đất 844m<sup>2</sup> này. Bà Nguyễn Thị L và bà C sẽ nhận phần diện tích đất là 600m<sup>2</sup> và để lại diện tích đất 244m<sup>2</sup> để làm nhà thờ cho ông bà và giao lại cho con cháu nhà ông Nguyễn T2 quản lý, sử dụng.

Đối với ngôi nhà cấp 4 và 01 giếng nước bi tròn bê tông trên thửa đất số 140 là tài sản của vợ chồng bà Phạm Thị T, không phải là di sản của ông Nguyễn Hứa N1 bà L không có tranh chấp và không có yêu cầu gì.

*Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Phạm Thị M (Phạm Thị T) và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:*

Về quan hệ huyết thống của gia đình ông Nguyễn H1 và hàng thừa kế như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thống nhất và không bổ sung gì thêm.

Trước giải phóng, ông Nguyễn H1, bà Phạm Thị M và bà Phạm Thị T có sống tại khu vườn hiện nay đang tranh chấp, thửa đất số 140, tờ bản đồ số 4, thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, thời gian sau, hộ ông Nguyễn Hứa G1 có ông Nguyễn H1 và 03 mẹ con bà Phạm Thị M đã dọn lên Xóm R sinh sống và được Nhà nước cấp đất là thửa đất số 239, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.474m<sup>2</sup> tại thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam và hiện nay bà Phạm Thị M đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Riêng bà Phạm Thị T không di dời theo ông Nguyễn H1 và bà Phạm Thị M mà bà T vẫn sinh sống tại thửa đất này và đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP tại thửa số 140, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.688m<sup>2</sup>, thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Từ khi ông Nguyễn H1 và mẹ con bà Phạm Thị M dọn lên nơi ở mới, gia đình bà T đã quản lý, sử dụng thửa đất này cho đến nay.

Nay, bà Nguyễn Thị L yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Nguyễn Hứa Đ lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.688m<sup>2</sup>, địa chỉ: thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam thì bà Phạm Thị T không đồng ý, vì hộ ông Nguyễn H1 và 03 mẹ con bà Phạm Thị M đã di dời đến nơi khác sinh sống và đã được Nhà nước cấp đất riêng, bà M và ông Nguyễn H1 không có liên quan đến thửa đất số 140, tờ bản đồ số 4 vì thửa đất này bà Phạm Thị T đã đứng ra kê khai, đăng ký và thực hiện các nghĩa vụ thuế và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng.

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 (*Tiến con*), bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị T3, bà Phạm Thị T1, ông Nguyễn Như T4 và ông Nguyễn Duy H có cùng ý kiến trình bày: về quan hệ huyết thống trong gia đình, các ông, bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn.

Về nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp: sau giải phóng ông Nguyễn Hứa C3 hai người con dâu là Phạm Thị T và Phạm Thị M cùng các

cháu nội sinh sống trên thửa đất số 312, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.840m<sup>2</sup> tại Xóm L, thôn H, xã Đ và ông H1 đã kê khai, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg. Đến năm 1980, HTX N3 có chủ trương xây dựng trại chăn nuôi tại khu V, thôn H, xã Đ nên ông Nguyễn H1 và bà Phạm Thị M đã dọn lên Xóm Rẫy sinh sống và được Nhà nước cấp đất ở mới là thửa đất số 239, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.474m<sup>2</sup> tại thôn H, xã Đ và hiện nay bà Phạm Thị M đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Riêng bà Phạm Thị T không di dời theo hộ ông Nguyễn H1 và mẹ con bà Phạm Thị M mà vẫn tiếp tục sinh sống tại thửa đất này và đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.688m<sup>2</sup>, địa chỉ thôn H, xã Đ. Gia đình bà T đã sử dụng thửa đất này từ trước đến nay.

Nay, bà Nguyễn Thị L yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Nguyễn Hứa Đ lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.688m<sup>2</sup>, tại thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam thì các ông, bà không đồng ý, vì hộ ông Nguyễn H1 đã di dời đến nơi khác sinh sống và đã được Nhà nước cấp đất riêng, ông Nguyễn Hứa K1 còn liên quan đến thửa đất số 140, tờ bản đồ số 4 vì thửa đất này bà Phạm Thị T đã đứng ra kê khai, đăng ký và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2024/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 157 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 623 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Phạm Thị M (*Phạm Thị T*) về việc “Yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất” đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 1.688m<sup>2</sup>, tại thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 903292763075 ngày 28/6/2004 do UBND huyện Đ (*nay là UBND thị xã Đ*) cấp cho hộ bà Phạm Thị M (*Phạm Thị T*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/7/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự,

thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể như sau:

[2.1] Xác định thiếu người tham gia tố tụng: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế do ông Nguyễn Hứa Đ lại theo pháp luật. Ông Nguyễn H1 (*chết năm 2010*) có 02 người con là: ông Nguyễn T2 (*chết năm 1968*), ông Nguyễn Q1 (*chết năm 1970*) và những người con khác đều chết lúc còn nhỏ, không có vợ hoặc chồng, con.

Ông Nguyễn T2 có vợ là bà Phạm Thị M (*Phạm Thị T*) và 08 người con, trong đó có ông Nguyễn Thống .1 Ông Nguyễn T7 (*chết năm 2014*) có vợ là bà Phạm Thị T1 và 02 người con là ông Nguyễn Như T4, ông Nguyễn Duy H. Năm 2010, ông Nguyễn Hứa C4 nên ông Nguyễn T7 là một trong những người thừa kế thế vị đối với phần di sản mà ông Nguyễn T2 được hưởng nếu còn sống. Năm 2014, ông Nguyễn T7 chết (*không để lại di chúc*) nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T7 (*gồm vợ và các con*) được hưởng di sản thừa kế do ông T7 để lại. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Phạm Thị T1 (*vợ ông T7*) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là xác định thiếu người tham gia tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 yêu cầu được tham gia tố tụng khi giải quyết vụ án từ giai đoạn sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

[2.2] Ngày 04/7/2024, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử vụ án và ban hành Quyết định tạm ngừng phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 16/7/2024. Tuy nhiên, vào ngày 16/7/2024, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành mở lại phiên tòa và cũng không ban hành văn bản nào thể hiện việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa, nhưng đến ngày 22/7/2024 mới mở lại phiên tòa xét xử vụ án. Hơn nữa, ngày 22/7/2024, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử và tuyên án nhưng Biên bản nghị án lại thể hiện thời gian nghị án là ngày 04/7/2024 và văn bản phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên ghi ngày 16/7/2024.

[2.3] Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.4] Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên không đề cập giải quyết đối với kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C về phần nội dung vụ án.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C không phải chịu (*bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án cấp sơ thẩm cho miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm*).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2024/DS-ST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (06/01/2025).

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thị xã Điện Bàn;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Quốc Bảo**